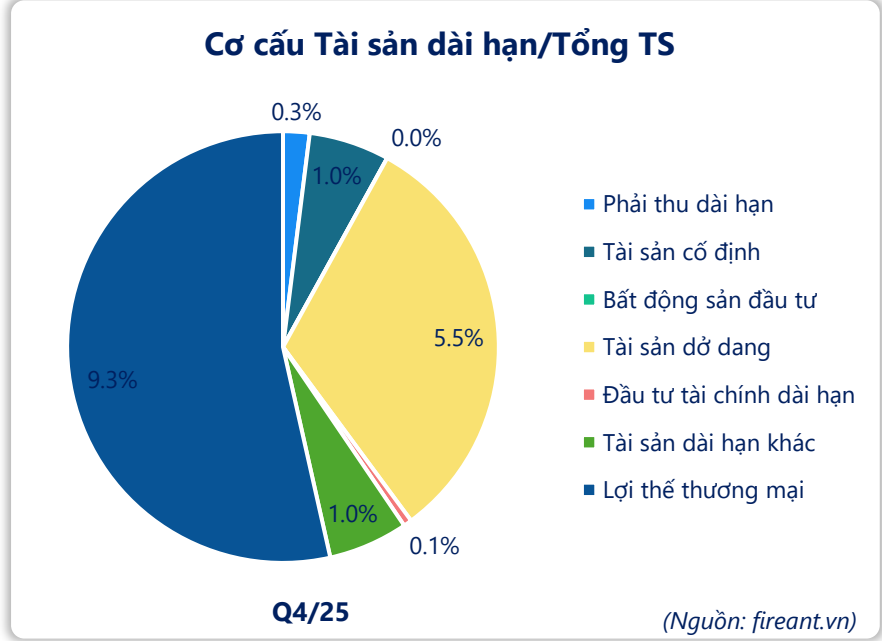
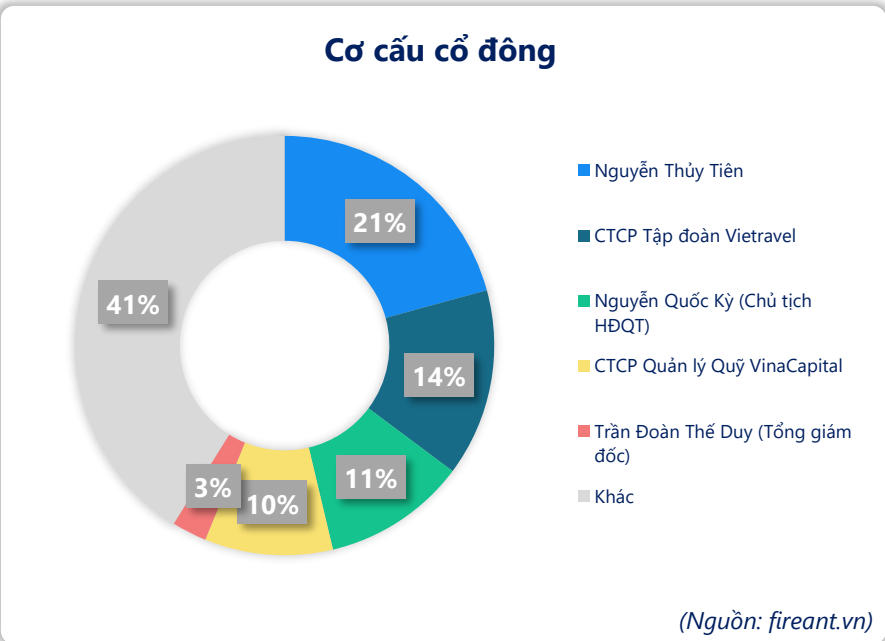
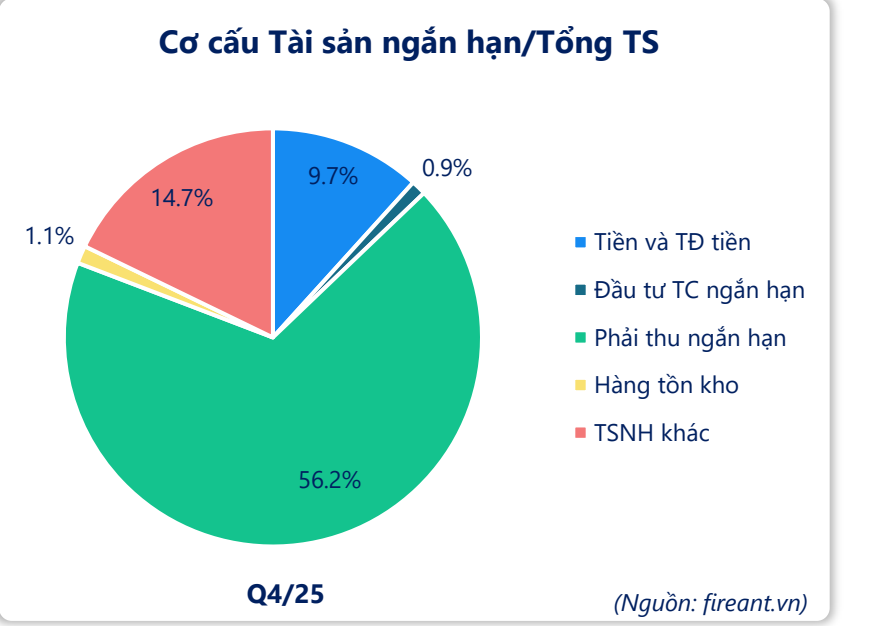
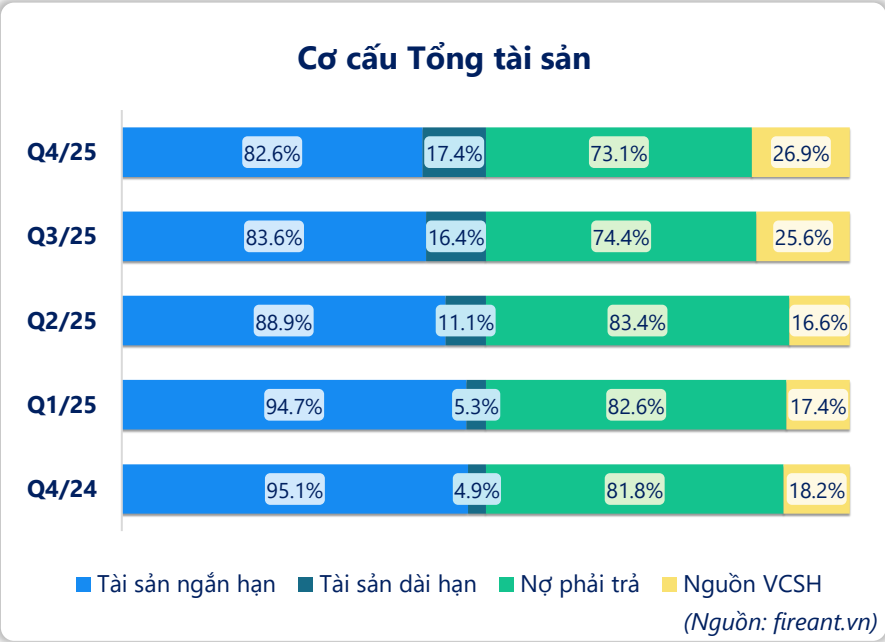
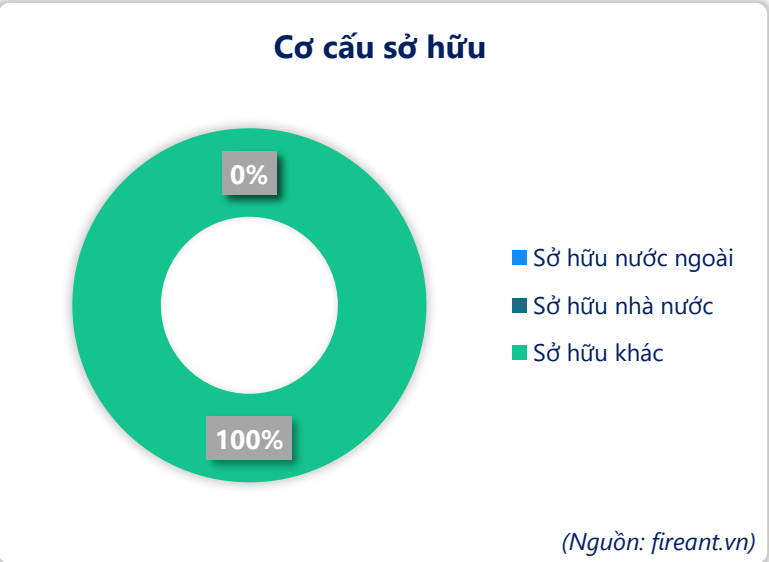
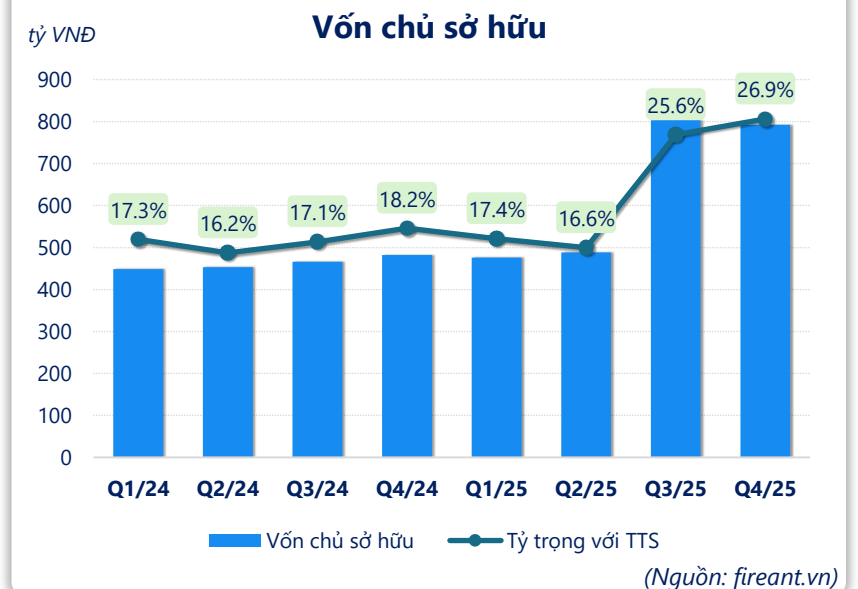
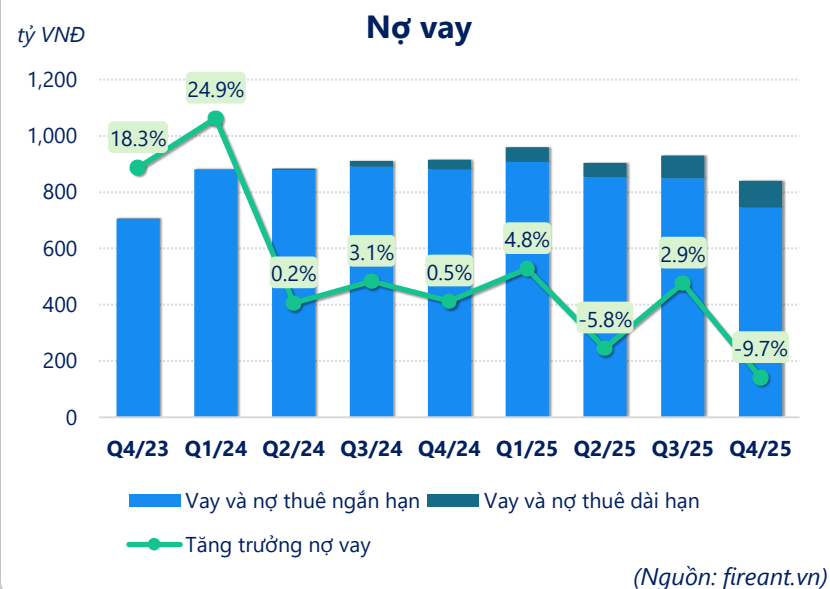
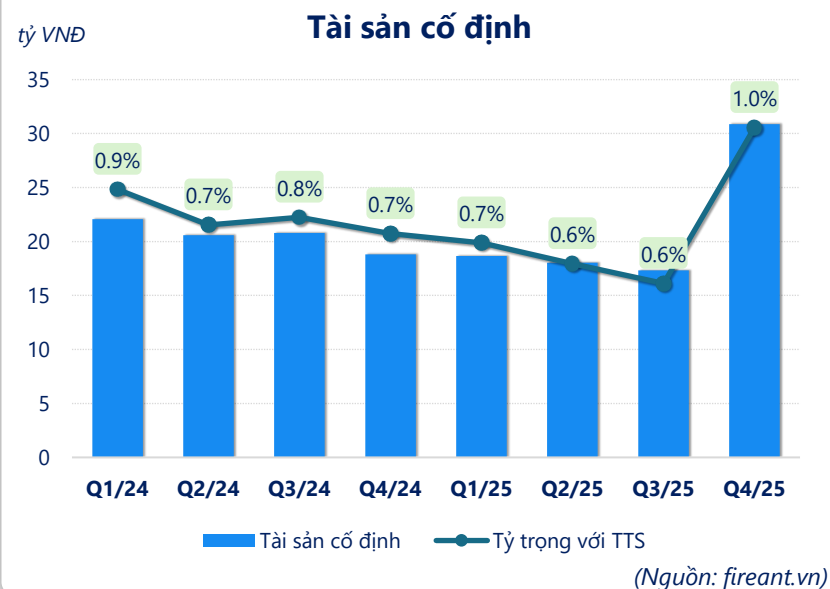
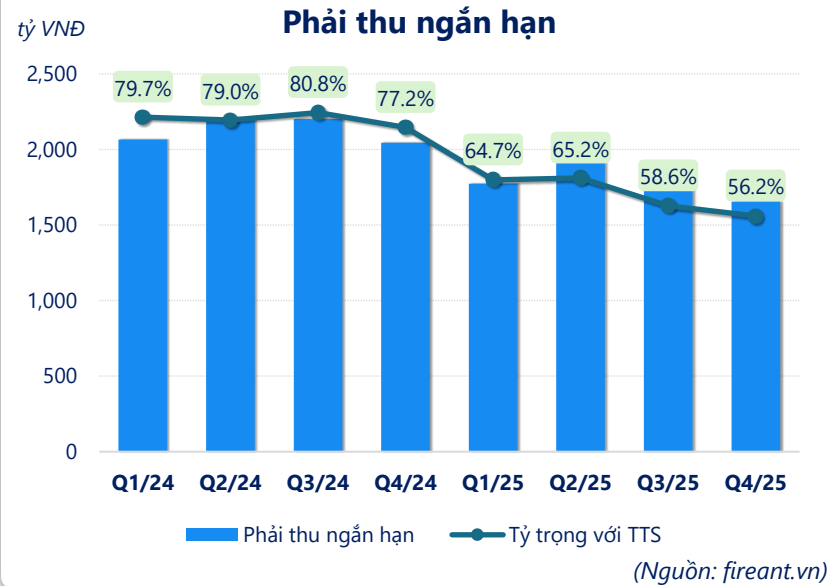
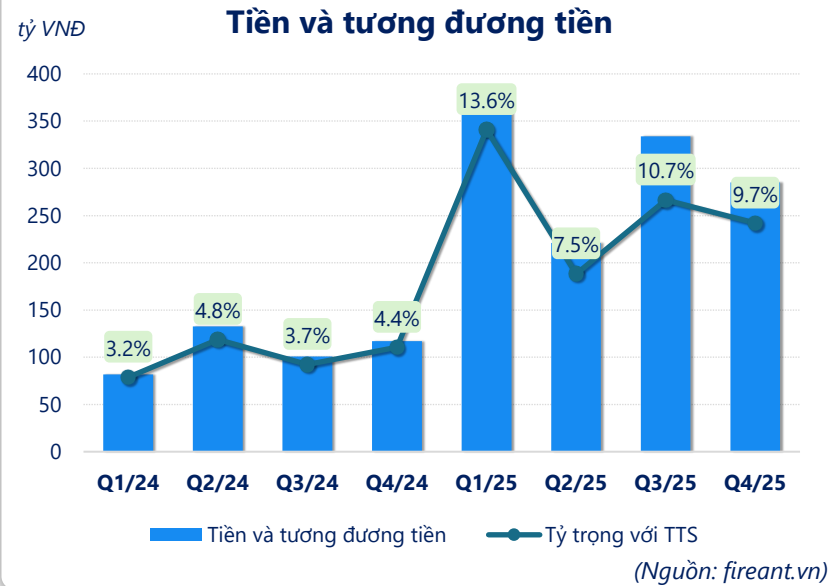
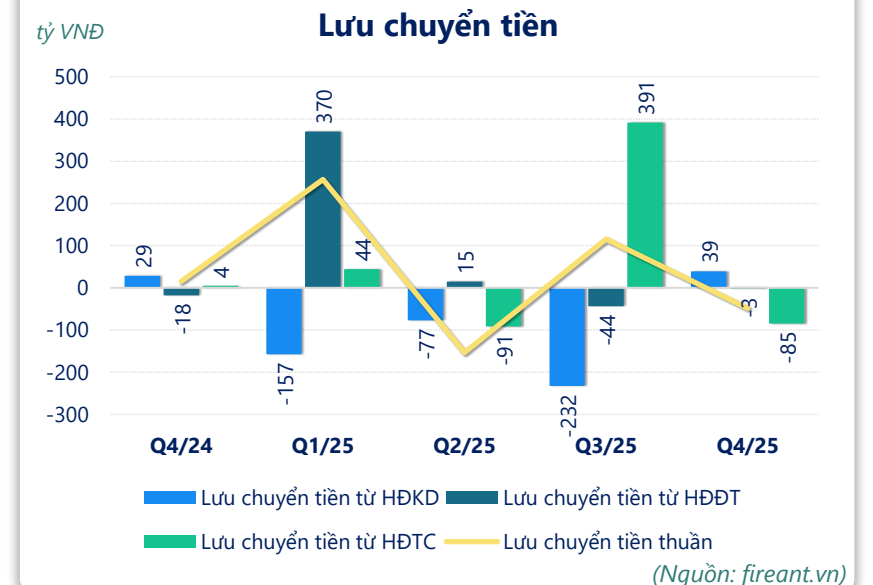
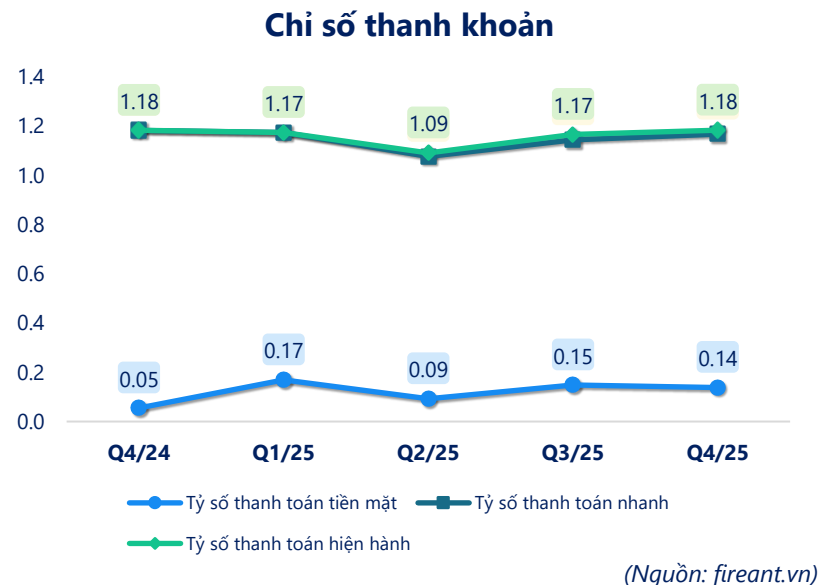
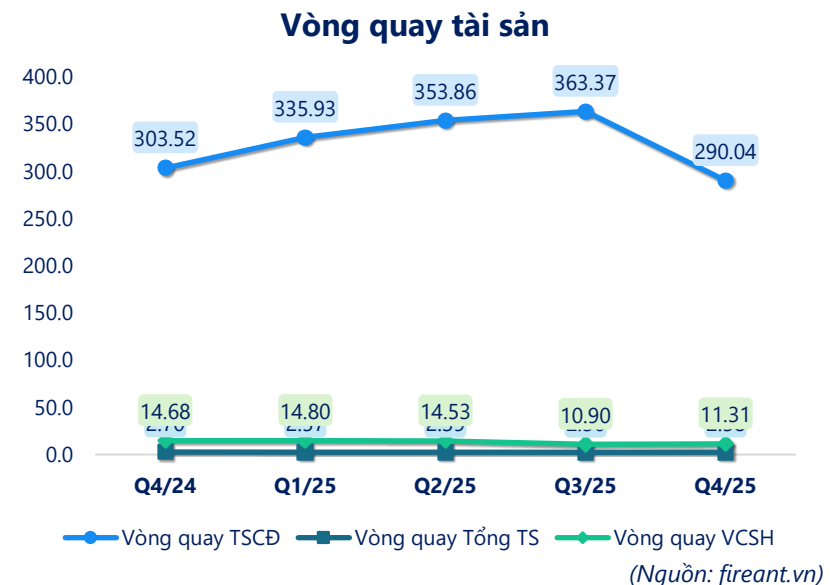
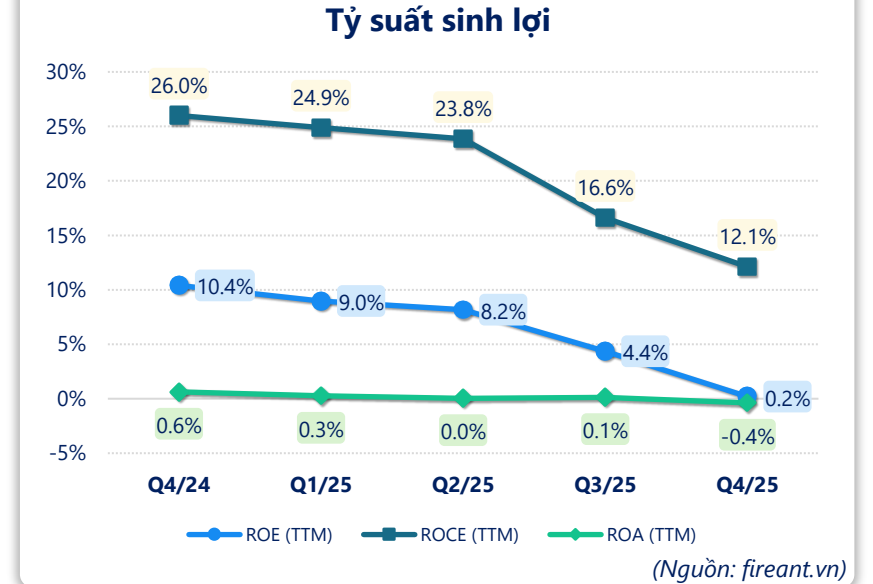
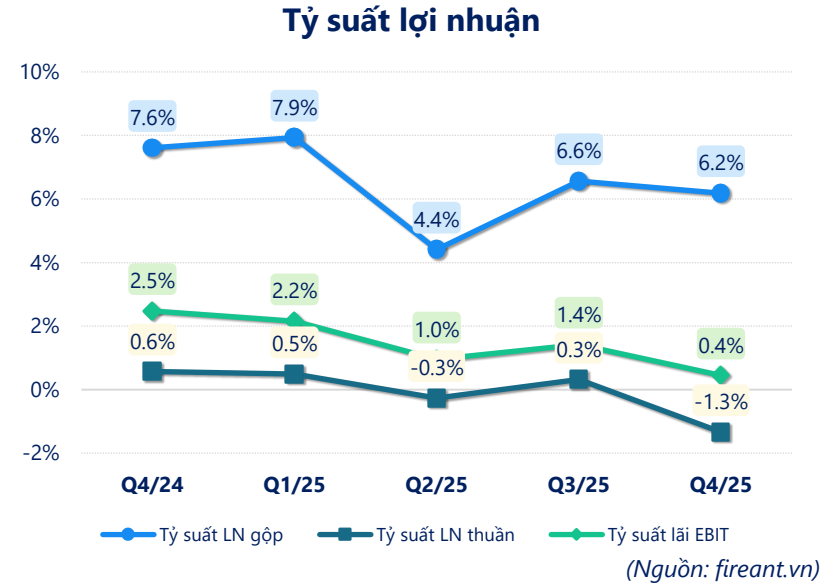
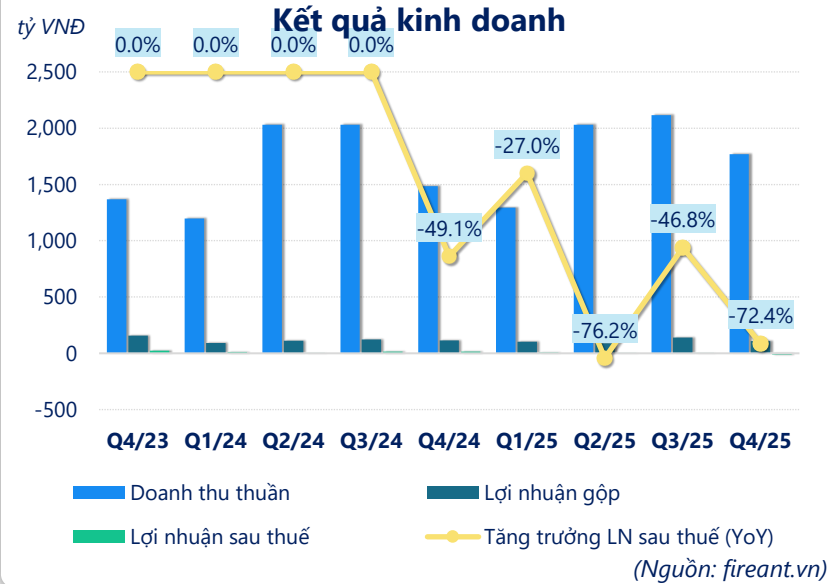


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		13,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		16,207
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		12,552
SL cổ phiếu LH		65,913,567
KLGD BQ 20 phiên (CP)		37,960
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		857
P/E		671.2
EPS		19

	YTD	1T	3T	6T
VTR	-3.0%	-1.3%	-12.3%	-8.1%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	2,947	2,652	11.1%
Tài sản ngắn hạn	2,435	2,523	-3.5%
Tiền và tương đương tiền	285	117	144%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	27.9	15.7	77.9%
Phải thu ngắn hạn	1,655	2,048	-19.2%
Hàng tồn kho	33.4	0.22	15023%
Tài sản ngắn hạn khác	434	342	27.0%
Tài sản dài hạn	512	130	295%
Phải thu dài hạn	10.2	8.22	23.6%
Tài sản cố định	30.9	19.0	62.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	163	82.3	98.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	3.21	4.51	-28.9%
Tài sản dài hạn khác	30.5	15.2	101%
Lợi thế thương mại	274	0.48	56819%
Nợ phải trả	2,155	2,182	-1.2%
Nợ ngắn hạn	2,059	2,148	-4.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	745	147	406%
Phải trả người bán ngắn hạn	731	693	5.5%
Nợ dài hạn	96.5	34.2	182%
Vay và nợ thuê dài hạn	95.4	33.1	188%
Nguồn vốn chủ sở hữu	792	470	68.5%
Vốn chủ sở hữu	792	470	68.5%
Vốn điều lệ	665	292	127%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	1,484	1,294	2,029	2,114	1,769
Giá vốn hàng bán	1,371	1,192	1,940	1,976	1,659
Lợi nhuận gộp	113	103	89.5	139	109
Doanh thu HĐTC	8.36	2.02	5.54	3.42	8.21
Chi phí TC	21.8	21.5	15.0	23.5	-94.4
Chi phí lãi vay	15.3	19.5	18.2	23.6	16.7
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	11.4	10.6	9.81	20.9	15.6
Chi phí QLDN	79.6	66.3	75.5	91.1	220
LN thuần từ HĐKD	8.50	6.31	-5.27	6.71	-23.6
Lợi nhuận khác	13.0	2.12	6.43	-0.26	14.8
LN trước thuế	21.5	8.42	1.16	6.44	-8.78
Lợi nhuận sau thuế	15.5	5.96	0.81	4.26	-10.4
LNST của CĐ cty mẹ	15.7	6.82	1.16	3.95	-10.7

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	28.7	-157	-76.9	-232	39.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-17.5	370	14.8	-43.5	-3.02
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	4.46	44.0	-91.3	391	-84.5
Tiền đầu kỳ	101	117	374	221	334
Lưu chuyển tiền thuần	15.6	257	-153	116	-48.3
Ảnh hưởng tỷ giá	0.75	0.23	0.68	-2.70	-0.48
Tiền cuối kỳ	117	374	221	334	285

(Nguồn: fireant.vn)